

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG**

Số: 22/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bàu Bàng, ngày 15 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022

Kính gửi:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Các Ban Hội đồng nhân dân huyện;
- Các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 Huyện Bàu Bàng;

Căn cứ Nghị quyết 51/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết 52/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 28 tháng 06 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo ước thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 như sau:

I. Thu ngân sách:

Ước thực hiện tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện trong năm 2022 là 1.442 tỷ 312 triệu đồng, đạt 104,36% so với kế hoạch Tỉnh giao và đạt 102,20% so với kế hoạch HĐND huyện giao (Đạt 71,79% so với năm 2021), trong đó thu cân đối ngân sách là 763 tỷ 179 triệu đồng, đạt 99,10% so với kế hoạch Tỉnh giao và đạt 95,49% so với kế hoạch HĐND huyện giao (đạt 48,81% so với năm 2021).

1. Thu trên địa bàn: 883 tỷ 670 triệu đồng, đạt 103,65% so với kế hoạch Tỉnh giao và HĐND huyện giao (Đạt 125,75% so với năm 2021). Trong đó thu huyện hưởng: 204 tỷ 537 triệu đồng, đạt 85,02% so với kế hoạch Tỉnh giao và HĐND huyện giao, bao gồm các nguồn thu:

- Thuế ngoài quốc doanh	222 tỷ 720 triệu đồng
- Thuế trước bạ	31 tỷ 000 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5 tỷ 650 triệu đồng
- Tiền cho thuê đất, mặt nước	37 tỷ 600 triệu đồng
- Tiền sử dụng đất	445 tỷ 000 triệu đồng
- Phí và lệ phí	6 tỷ 700 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân	100 tỷ 500 triệu đồng
- Thu khác ngân sách	31 tỷ 500 triệu đồng
- Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản	3 tỷ 000 triệu đồng

2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 529 tỷ 502 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch Tỉnh giao và HĐND huyện giao.

3. Thu kết dư (bội thu): 00 tỷ 00 triệu đồng.

4. Thu chuyển nguồn: 00 tỷ 00 triệu đồng.

5. Thu chuyển giao cấp dưới (cấp xã, thị trấn): 00 tỷ 00 triệu đồng.

II. Chi ngân sách

Ước thực hiện tổng chi ngân sách năm 2022 là 739 tỷ 323 triệu đồng, đạt 96,01% so với kế hoạch Tỉnh giao và đạt 97,88% so với kế hoạch HĐND huyện giao. (Đạt 64,70% so với năm 2021).

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: (Nguồn vốn đưa vào cân đối NS huyện)

Ước thực hiện năm 2022 là 133 tỷ 146 triệu đồng, đạt 122,55% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% so với kế hoạch HĐND huyện giao. (Đạt 105,28% so với năm 2021). Trong đó:

- Vốn phân cấp theo tiêu chí: 108 tỷ 646 triệu đồng
- Vốn ngân sách huyện: 24 tỷ 500 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 606 tỷ 177 triệu đồng, đạt 105,36% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao. (Đạt 79,19% so với năm 2021)

a) Chi sự nghiệp kinh tế: 55 tỷ 700 triệu đồng, đạt 43,63% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao. (Đạt 81,29% so với năm 2021)

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề: 196 tỷ 100 triệu đồng, đạt 117,81% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao. (Đạt 116,69% so với năm 2021)

c) **Sự nghiệp y tế:** 44 tỷ 600 triệu đồng, đạt 200,28% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao. (Đạt 39,55% so với năm 2021)

d) **Sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao:** 7 tỷ 650 triệu đồng, đạt 104,49% so với kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% kế hoạch HĐND huyện giao. (Đạt 115,40% so với năm 2021)

e) **Sự nghiệp phát thanh truyền hình:** 3 tỷ 00 triệu đồng, đạt 52,89% so với kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% kế hoạch HĐND huyện giao. (Đạt 167,41% so với năm 2021)

f) **Sự nghiệp khoa học công nghệ:** 2 tỷ 100 triệu đồng, đạt 300% so với kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao. (Đạt 170,32% so với năm 2021)

g) **Chi đảm bảo xã hội:** 59 tỷ 00 triệu đồng, đạt 217,13% so với kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao. (Đạt 34,71% so với năm 2021)

h) **Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể:** 60 tỷ 00 triệu đồng, đạt 74,14% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% kế hoạch HĐND huyện giao. (Đạt 135,60% so với năm 2021)

i) **Chi an ninh quốc phòng:** 34 tỷ 500 triệu đồng, đạt 69,8% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% kế hoạch HĐND huyện giao. (Đạt 81% so với năm 2021)

j) **Chi khác ngân sách:** 6 tỷ 00 triệu đồng, đạt 6,84% so kế hoạch Tỉnh giao và đạt 100% HĐND huyện giao. (Đạt 183,37% so với năm 2021)

k) **Chi ngân sách xã:** 137 tỷ 527 triệu đồng, đạt 100% so kế hoạch HĐND huyện giao. (Đạt 93,94% so với năm 2021)

III. Đánh giá thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022:

Việc điều hành và quản lý ngân sách nhà nước năm 2022 đạt nhiều thuận lợi do được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, liên tục và kịp thời của Thường trực Huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và sự nỗ lực, phấn đấu của Chi cục Thuế khu vực; sự phối hợp đồng bộ của các ngành, của cấp ủy và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nên các nguồn thu được huy động kịp thời vào ngân sách, cùng với nguồn trợ cấp của ngân sách tỉnh đã đáp ứng các nhu cầu và nhiệm vụ chi cần thiết của địa phương, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên với những thuận lợi cơ bản nêu trên, trong công tác quản lý và điều hành ngân sách Nhà nước năm 2022 vẫn còn khó khăn như sau:

Do thực hiện các Nghị định về gia hạn thời gian nộp thuế, miễn, giảm thuế Chính phủ ban hành trong năm 2022; Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 về Gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập

doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022 nên một số nguồn thu đạt thấp hơn so với dự toán Tỉnh giao.

Bên cạnh đó mặc dù dịch bệnh không còn phức tạp tuy nhiên cũng ảnh hưởng phần nào đến việc thu ngân sách, như tiền thuê đất chưa đạt (37 tỷ 600 triệu đồng/60 tỷ 000 triệu đồng đạt 62,67%), tiền thuê đất này do huyện hưởng 100%.

Thực hiện chỉ thường xuyên kịp thời, tiết kiệm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

Do giá vật liệu xây dựng tăng trong thời gian qua nên một số công trình phải cập nhật lại theo bộ đơn giá mới làm ảnh hưởng chung đến tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công trong những tháng đầu năm 2022.

Việc chuẩn bị hồ sơ đầu tư xây dựng của đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn chưa chú trọng công tác quản lý chất lượng hồ sơ thiết kế, nhiều hồ sơ không đủ thành phần, nội dung và chất lượng chưa đạt yêu cầu và chưa chủ động xây dựng tiến độ thực hiện kế hoạch phù hợp với thời gian dự án được phê duyệt, từ đó xác định nhu cầu sử dụng vốn không sát với tiến độ triển khai và khả năng giải ngân thực tế, gây khó khăn trong quản lý, điều hành kế hoạch vốn chung của huyện.

(Có phụ lục chi tiết Thu, chi kèm theo)

Trên đây là báo cáo tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng./.

Nơi nhận: *Uster*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, An *VT*



Võ Thành Giàu

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Đính kèm Báo cáo số 226 /BC-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Bàu Bàng)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quyết toán năm 2021	Dự toán Tỉnh giao 2022	Dự toán Huyện giao 2022	Ước thực hiện năm 2022	5/3	5/4	5/2
1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng thu ngân sách huyện (A+B-I)	2,008,978	1,382,074	1,411,214	1,442,312	104.36%	102.20%	71.79%
A. Tổng thu ngân sách nhà nước từ SXKD trên địa bàn	702,733	852,572	852,572	883,670	103.65%	103.65%	125.75%
1. Thuế ngoài quốc doanh	373,937	281,625	281,625	222,720	79.08%	79.08%	59.56%
- Thuế giá trị gia tăng	82,176	95,044	95,044	75,200	79.12%	79.12%	91.51%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	291,481	186,262	186,262	144,000	77.31%	77.31%	49.40%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	98	121	121	270	223.14%	223.14%	275.51%
- Thuế tài nguyên	182	198	198	250	126.26%	126.26%	137.36%
- Khác				3,000			
2. Thuế trước bạ	22,059	27,931	27,931	31,000	110.99%	110.99%	140.53%
3. Thuế sử dụng đất nông nghiệp				0			
4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2,899	4,500	4,500	5,650	125.56%	125.56%	194.89%
5. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	55,399	60,000	60,000	37,600	62.67%	62.67%	67.87%
Trđó: thu tiền cho thuê đất, mặt nước ngoài khu CN	55,399	60,000	60,000	37,600	62.67%	62.67%	67.87%
6. Thu tiền sử dụng đất	149,420	354,571	354,571	445,000	125.50%	125.50%	297.82%
7. Thu phí và lệ phí (bao gồm lệ phí môn bài do huyện quản lý)	5,901	7,781	7,781	6,700	86.11%	86.11%	113.54%
Trđó: Huyện TTQL	2,910	3,576	3,576	2,609	72.96%	72.96%	89.66%
8. Thuế thu nhập cá nhân	71,403	87,622	87,622	100,500	114.70%	114.70%	140.75%
9. Thu khác ngân sách	21,715	24,242	24,242	31,500	129.94%	129.94%	145.06%
Trđó: Huyện TTQL	13,550	10,894	10,894	12,238	112.34%	112.34%	90.32%
10. Thu từ bán tài sản nhà nước							
11. Thu tiền từ cấp quyền khai thác khoáng sản		4,300	4,300	3,000			
B. Tổng thu cân đối NS địa phương	1,563,583	770,087	799,227	763,179	99.10%	95.49%	48.81%
I. Tổng các khoản thu NSDP được hưởng theo phân cấp	257,338	240,585	240,585	204,537	85.02%	85.02%	79.48%
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	97,081	107,727	107,727	89,348	82.94%	82.94%	92.03%



2. Thu phân chia theo tỷ lệ %	160,257	132,858	132,858	115,189	86.70%	86.70%	71.88%
II. Thu bổ sung từ NS cấp trên thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020	763,817	529,502	529,502	529,502	100.00%	100.00%	69.32%
1. Bổ sung cân đối ngân sách	654,370	457,105	457,105	457,105	100.00%	100.00%	69.85%
+ Bổ sung thời kỳ ổn định 2017-2020							
+ Bổ sung thêm giai đoạn 2017-2020	654,370	457,105	457,105	457,105	100.00%	100.00%	69.85%
T/đó Bổ sung cân đối do hụt thu	654,370	457,105	457,105	457,105	100.00%	100.00%	69.85%
2. Bổ sung có mục tiêu	109,447	72,397	72,397	72,397	100.00%	100.00%	66.15%
+ Bổ sung mục tiêu (NTM; TVT)	109,447						0.00%
+ Bổ sung vốn mục tiêu khác (ATGT)		204	204	204	100.00%	100.00%	
+ KP thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg		40,000	40,000	40,000			
+ Thương vượt thu từ nguồn NSTW bổ sung		32,193	32,193	32,193			
III. Thu kết dư và nguồn trợ cấp cho huyện		0	29,140	29,140			
+ Chi CCTL							
+ Chi đầu tư công (NTM XÃ TVT)			25,500	25,500			
+ Chi Các xã, TT			3,640	3,640			
+ Huy động CCTL chi PCD Covid-19							
+ Kết dư							
IV. Thu chuyển nguồn	476,956						
V. Thu kết dư	65,472						
V. Thu chuyển giao cấp xã							
Cân đối ngân sách							
Tổng thu	1,563,583	770,087	799,227	763,179	99.10%	95.49%	48.81%
50% tăng thu dự toán năm 2022 so với dự toán năm 2021 dành nguồn CCTL							
Tổng thu cân đối	1,563,583	770,087	799,227	763,179	99.10%	95.49%	48.81%
Tổng chi cân đối	1,142,647	770,087	755,323	739,323	96.01%	97.88%	64.70%
Bội thu (+) Bội chi (-)	420,936	0	43,904	23,856			

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Bàu Bàng)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quyết toán chi 2021	Dự toán Tỉnh giao 2022	Dự toán Huyện giao năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	So sánh		
					5/3	5/4	5/2
1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng chi	1,142,647	770,087	755,323	739,323	96.01%	97.88%	64.70%
Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV+V)	998,752	697,690	755,323	739,323	105.97%	97.88%	74.02%
I/ Chi đầu tư phát triển	126,471	108,646	133,146	133,146	122.55%	100.00%	105.28%
- Vốn phân cấp theo tiêu chí	126,471	108,646	108,646	108,646	100.00%	100.00%	85.91%
- Vốn ngân sách huyện			24,500	24,500		100.00%	
- Bổ sung có mục tiêu							
II/ Chi thường xuyên	765,477	575,364	606,177	606,177	105.36%	100.00%	79.19%
1. Chi sự nghiệp kinh tế	68,516	127,673	55,700	55,700	43.63%	100.00%	81.29%
- Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	13,222		9,500	9,500		100.00%	71.85%
- Chi sự nghiệp giao thông	26,908		22,100	22,100		100.00%	82.13%
- Chi kiến thiết thị chính	10,988			0			0.00%
- Chi SN môi trường	15,198	35,110	22,500	22,500	64.08%	100.00%	148.05%
- Chi sự nghiệp kinh tế khác	2,200		1,600	1,600		100.00%	72.73%
2. SN giáo dục - đào tạo dạy nghề	168,047	166,459	196,100	196,100	117.81%	100.00%	116.69%
- Sự nghiệp giáo dục				0			
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo dạy nghề				0			
3. SN Y Tế	112,779	22,269	44,600	44,600	200.28%	100.00%	39.55%
4. Chi SN VH TT	6,629	7,321	7,650	7,650	104.49%	100.00%	115.40%
- SN VH TT	5,481	5,806	5,400	5,400	93.01%	100.00%	98.52%
- SN TDTT	1,148	1,515	2,250	2,250	148.51%	100.00%	195.99%
5. SN Phát thanh truyền hình	1,792	5,672	3,000	3,000	52.89%	100.00%	167.41%
6. SN khoa học công nghệ	1,233	700	2,100	2,100	300.00%	100.00%	170.32%
7. Chi đảm bảo xã hội	169,965	27,173	59,000	59,000	217.13%	100.00%	34.71%
8. Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	44,247	80,929	60,000	60,000	74.14%	100.00%	135.60%

- Quản lý nhà nước							
- Đảng							
- Đoàn thể và các tổ chức xã hội							
9. Chi an ninh quốc phòng	42,595	49,428	34,500	34,500	69.80%	100.00%	81.00%
- An ninh	15,238	20,453	12,000	12,000	58.67%	100.00%	78.75%
- Quốc phòng	27,357	28,975	22,500	22,500	77.65%	100.00%	82.25%
10. Chi khác ngân sách	3,272	87,740	6,000	6,000	6.84%	100.00%	183.37%
Tr. Đổ bổ trí thêm cho huyện giảm nhiều so với năm 2021		66,119					
11. Chi NS xã	146,402		137,527	137,527		100.00%	93.94%
III/ Chi tạm ứng	106,804						
IV/ Chi chuyển nguồn							
V/ Dự phòng		13,680	16,000	0			
- Dự phòng huyện		13,680	13,410				
- Dự phòng xã, TT			2,590				
VI/ Chi nộp NS cấp trên	3,500						
VII/ Chi tạm ứng							
B. Chi tạo nguồn CCTL							
C. Chi bổ sung cho NS cấp dưới	140,395						
1. Bổ sung cân đối							
2. Bổ sung có mục tiêu							
D. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
(Từ nguồn NS cấp tỉnh BS có mục tiêu)		72,397	0	0			
+ Kinh phí ATGT		204					
+ Chi thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg		40,000					
+ Chi từ nguồn thưởng thu vượt dự toán 2021		32,193					